

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2020/HS-ST
Ngày 16 - 7 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vụ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Việt và ông Phạm Xuân Đức

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Duy Cường là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa:** Ông Trương Văn Nhẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 33/2020/HS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2020, đối với bị cáo:

Phạm Xuân T, sinh năm 1980 tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ 4, phường N, thành phố G, tỉnh Đăk Nông; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Buôn bán; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Xuân Th (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Nguyễn Thị Thu H và 02 con; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02-3-2020 đến ngày 21-3-2020; tại ngoại - Có mặt.

- **Bị hại:** Anh Hán Quang D; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông - Có mặt.

- **Người làm chứng:** Bà Trần Thị L và anh Lê Ngọc L; cùng địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông – Điều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Hán Quang D nợ Phạm Xuân T số tiền 31.257.000 đồng mua vật liệu xây dựng. T đã nhiều lần đòi nhưng anh D chưa trả. Khoảng 14 giờ ngày 04-7-2019, T cùng anh Nguyễn Tuấn A chở vật liệu xây dựng vào xã Q, huyện Đ giao

cho khách. Sau khi giao hàng xong, T nói anh Tuấn A chở T vào nhà anh D để đòi nợ. Trên đường đi, T gọi điện thoại cho anh D nhưng anh D không nghe máy.

Đến nơi thấy nhà anh D khóa cửa, T hỏi bà Trần Thị L thì bà L cho biết anh D đi đâu đã nửa tháng chưa về. T đi đến bãi tập kết vật liệu xây dựng của anh D thì thấy chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát 49C-016.35 của anh D đang đậu ở đó, trên xe có chìa khóa nên T nảy sinh ý định lấy chiếc xe ô tô để trừ số tiền anh D nợ. T quay lại nói với bà L “*Chắc cháu lấy cái xe*” thì bà L trả lời “*Có lấy thì viết lại cái giấy để hàng xóm còn biết nói chuyện với nhau*” rồi đi ra trung tâm xã Đ mua đồ ăn. Sau khi bà L đi, T lên xe ô tô biển kiểm soát 49C-016.35 đề máy nhưng không nổ nên T tháo bình ắc quy của xe rồi mượn xe mô tô của anh Lê Ngọc L đi sạc bình.

Sạc khi bình xong, T trả xe mô tô cho anh L rồi lắp bình ắc quy vào xe ô tô biển kiểm soát 49C-016.35, đề nổ máy rồi điều khiển xe ô tô về nhà T. Khi T điều khiển xe đến thôn 9, xã Q thì bị anh D phát hiện và trình báo cơ quan Công an.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 32/KL-HĐĐGTS ngày 18-7-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: Chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát 49C-016.35 có giá trị là 56.550.000 đồng.

Cáo trạng số: 36/CTr-VKS ngày 09-6-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông đã truy tố bị cáo Phạm Xuân T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Xuân T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong sau khi trình bày luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Xuân T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Xuân T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm. Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk Glong đã trả lại cho anh Hán Quang D chiếc xe ô tô BKS 49C-016.35 vào ngày 20-4-2020.

Bị cáo không bào chữa, tranh luận chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại anh Hán Quang D không có ý kiến tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk Glong, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong, Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 04-7-2019, tại thôn 1, xã Đ, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông, Phạm Xuân T đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát 49C-016.35, nhãn hiệu FUSIN của anh Hán Quang D có giá trị thành tiền là 56.550.000 đồng (Năm mươi sáu triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng). Do đó, hành vi của Phạm Xuân T đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự nên Cáo trạng số: 36/CTr-VKS ngày 09-6-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;”

...

Đối với bà Trần Thị L không được anh Hán Quang D giao quản lý, trông coi xe nên không có hành vi giúp sức cho bị cáo T; việc anh Trần Ngọc L cho bị cáo T mượn xe mô tô không biết T mượn để làm gì nên không có căn cứ để xử lý.

[3]. Xét tính chất vụ án do hành vi của bị cáo gây ra là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của anh Hán Quang D được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả và được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo có cha đẻ là người có công với cách mạng nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[4]. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Do đó, cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện thỏa T bồi thường toàn bộ thiệt hại đối với bị hại; bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

[6]. Về xử lý vật chứng: Xét thấy ngày 20-4-2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông đã trả lại cho anh Hán Quang D chiếc xe o tô BKS 49C-016.35 là đúng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự nên cần chấp nhận.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Xuân T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Xuân T 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phạm Xuân T cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Toà án buộc phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, chấp nhận Quyết định xử lý vật chứng ngày 20-4-2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-

12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phạm Xuân T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Công an huyện Đắk Glong;
- Bộ phận hồ sơ CA huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND phường N, Tp. G;
- Nhà tạm giữ CA huyện Đ;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Quốc Vụ